

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Kinh tế thủy lợi

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Văn Chính

2. Ngày tháng năm sinh: 10/12/1975; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 58/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 58/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0913365129;

E-mail: chinhlv@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,1997 đến tháng, năm 09,2003: Nghiên cứu viên tại Trung tâm Kinh tế và quản lý thủy lợi, Viện Khoa học Thủy lợi

Từ tháng, năm 10,2003 đến tháng, năm 04,2005: Cán bộ hợp đồng tại Cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Từ tháng, năm 05,2005 đến tháng, năm 02,2010: Viên chức tại Cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Từ tháng, năm 03,2010 đến tháng, năm 05,2011: Viên chức tại Vụ Quản lý công trình thủy lợi, Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Từ tháng, năm 06,2011 đến tháng, năm 04,2016: Chuyên viên tại Vụ Quản lý công trình thủy lợi, Tổng cục

Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Từ tháng, năm 05,2016 đến tháng, năm 07,2016: Giảng viên tại Bộ môn Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Thủy lợi

Từ tháng, năm 08,2016 đến tháng, năm 05,2017: Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Quản lý xây dựng tại Bộ môn Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Thủy lợi

Từ tháng, năm 06,2017 đến tháng, năm 07,2020: Giảng viên, Phó trưởng Khoa Kinh tế và Quản lý kiêm Phó trưởng Bộ môn Quản lý xây dựng tại Bộ môn Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Thủy lợi

Từ tháng, năm 08,2020 đến tháng, năm 11,2020: Giảng viên, Phó trưởng Khoa Kinh tế và Quản lý kiêm Phụ trách Bộ môn Quản lý xây dựng tại Bộ môn Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Thủy lợi

Từ tháng, năm 12,2020 đến tháng, năm 09,2022: Giảng viên chính, Phó trưởng Khoa Kinh tế và Quản lý kiêm Phụ trách Bộ môn Quản lý xây dựng tại Bộ môn Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Thủy lợi

Từ tháng, năm 10,2022 đến tháng, năm 06,2023: Giảng viên chính, Phó trưởng Khoa Kinh tế và Quản lý kiêm Phụ trách Bộ môn Kinh tế xây dựng tại Bộ môn Kinh tế xây dựng, Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Thủy lợi

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính, Phó trưởng Khoa Kinh tế và Quản lý kiêm Phụ trách Bộ môn Kinh tế xây dựng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kinh tế xây dựng, Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Thủy lợi

Địa chỉ cơ quan: 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 06 tháng 06 năm 1997, số văn bằng: B28593, ngành: Kinh tế thủy lợi, chuyên ngành: Kinh tế thủy lợi; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 18 tháng 08 năm 2003, số văn bằng: 0006/CH003756, ngành: Công trình, chuyên ngành: Công trình thủy lợi; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 19 tháng 12 năm 2012, số văn bằng: CPR101275-4007, ngành: Quản lý tài nguyên nước và đất,

chuyên ngành: Quản lý tài nguyên nước và đất; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Tổng hợp Copenhagen, Đan Mạch

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Thể chế và chính sách trong quản lý tài nguyên nước

Hướng nghiên cứu 2: Kinh tế và quản lý đầu tư xây dựng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở; 2 cấp Khác;
- Đã công bố (số lượng) 18 bài báo khoa học, trong đó 5 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 3, trong đó 3 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen Bộ trưởng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2014
2	Bằng khen Bộ trưởng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021
3	Bằng khen	Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội	2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt. Luôn gương mẫu trong việc thực hiện nghĩa vụ công dân và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, nội quy và điều lệ của Nhà trường.

- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách, công bằng và bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học. Đối với người học luôn có trách nhiệm, đối với đồng nghiệp luôn chia sẻ hợp tác.
- Được đào tạo chính quy về chuyên môn, có đủ các chứng chỉ sư phạm trong đào tạo bậc đại học; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ. Giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý và chương trình giáo dục quy định. Luôn có ý thức rèn luyện, học tập để nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy.
- Về công tác đào tạo: luôn hoàn thành vượt định mức giảng dạy ở các bậc, các hệ, cụ thể là bậc đại học, cao học ngành Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Quản lý kinh tế và được người học đánh giá cao.
- Về công tác nghiên cứu khoa học và phục vụ sản xuất: Tham gia thực hiện nhiều đề tài từ cấp cơ sở đến cấp Bộ và cấp Quốc gia. Thực hiện nhiều nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn về thể chế, chính sách cho cơ quan Trung ương, địa phương và các tổ chức quốc tế (trong vòng 5 năm trở lại đây). Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế, tham dự các hội thảo và có nhiều bài báo công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước và tạp chí quốc tế uy tín.
- Về công tác hợp tác quốc tế: Thường xuyên kết nối, hợp tác với các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các tổ chức quốc tế (FAO, WB, ADB) và các trường đại học tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ và Pháp phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 07 năm 02 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018			1	10	121	330	450.8/805/168.8
2	2018-2019				11	81	360	441.3/803.2/168.8

3	2019-2020			1	9	96	210	306/579.5/168.8
03 năm học cuối								
4	2020-2021				11.5	156	150	306/589.1/178.8
5	2021-2022			3	4	213	270	483.3/758.3/168
6	2022-2023				6	184	255	439.2/692.7/168

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Đan Mạch năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): - Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam: Giảng dạy môn học trong Chương trình tiên tiến về kỹ thuật xây dựng bậc đại học. Môn học phụ trách là Kinh tế các công trình công cộng (Engineering Economy; Public Works Economics CVEG4088) (năm 2017; 2018). - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam: Giảng dạy môn học trong Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết giữa Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và Đại học Khoa học ứng dụng TH Koln, Đức về Quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Môn học phụ trách là Water and Agriculture W4140 (năm 2017; 2018).

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Lộc Thị Mai Loan		X	X		02/2017 đến 02/2018	Trường Đại học Thủy lợi	05/03/2018
2	Lê Thu Phương		X	X		08/2018 đến 09/2019	Trường Đại học Thủy lợi	24/10/2019
3	Nguyễn Sơn Hà		X	X		07/2020 đến 03/2022	Trường Đại học Thủy lợi	25/04/2022
4	Nguyễn Ngọc Quang		X	X		07/2020 đến 03/2022	Trường Đại học Thủy lợi	25/04/2022
5	Phạm Ngọc Thắng		X	X		07/2020 đến 03/2022	Trường Đại học Thủy lợi	25/04/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Giáo trình Kinh tế xây dựng	GT	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, năm 2019	2	CB	(1-88)	Số 530/GXN-ĐHTL ngày 23/6/2023
2	Giáo trình Định mức Kinh tế - Kỹ thuật và Định giá xây dựng	GT	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, năm 2019	14	VC	(40-72)	Số 529/GXN-ĐHTL ngày 23/6/2023
3	Giới thiệu chính sách và mô hình quản lý nước trên thế giới và Việt Nam	TK	Nhà xuất bản Xây dựng, năm 2017	9	VC	(162-180)	Số 531/GXN-ĐHTL ngày 23/6/2023

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ([1])

Lưu ý:

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Đánh giá tác động của chính sách miễn giảm thuế lợi phí đến hiệu quả tưới và kinh tế hộ gia đình ở Lưu vực sông Hồng	CN	158/HĐ-ĐHTL, cấp Cơ sở	01/01/2018 đến 31/12/2018	31/12/2018, Đạt
2	Một số giải pháp tăng cường sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trong các hệ thống công trình thủy lợi ở Lưu vực sông Hồng	CN	216/HĐ-ĐHTL, cấp Cơ sở	01/01/2019 đến 31/12/2019	31/12/2019, Đạt
3	Đề tài nhánh thuộc Chương trình nghiên cứu về nâng cao năng lực thể chế ngành nước ở lưu vực sông Hồng/Research Fellowship Program on Capacity building and professional development of water governance and regional development practitioners in the Red Basin	CN	M-POWER-WLE 2015, cấp Khác	26/6/2015 đến 31/12/2016	31/12/2016, Đạt
4	Nghiên cứu, đánh giá mối quan hệ giữa các bên liên quan về nguồn nước ở Việt Nam/Water tenure assessment in Vietnam (funded by FAO)	CN	PSA_FAO, cấp Khác	05/11/2021 đến 31/12/2021	11/2/2022, Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

[illegible]

3	Individual lift irrigation: A case study in the Cau Son irrigation and drainage area, Red River Basin, Vietnam	2	Có	Paddy and Water Environment (ISSN: 1611-2490, 1611-2504)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 1.924, Q2</i>	1	12, 223-238	01/2014
4	Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Một tiếp cận dựa vào nhận thức cộng đồng	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (ISSN: 1859-4255)			32, 20-28	04/2016
5	Giải pháp tăng cường tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong điều kiện thực thi Luật Thủy lợi ở Việt Nam	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (ISSN: 1859-4255)			54, 66-81	06/2019

6	Policy and institutional arrangements to enhance water use efficiency in irrigated agriculture in Vietnam	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859 - 3941); Số Tiếng Anh			72, 57-66	12/2020
7	Thế chế và chính sách cho an ninh nguồn nước quốc gia: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859 - 3941)			75, 128-136	09/2021
8	Economic value of irrigation water the red river basin: a case study in Cau Son irrigation system	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859 - 3941); Số Tiếng Anh			77, 45-54	12/2021
9	Đánh giá giải pháp giảm thiểu tác hại của thiên tai đối với sản xuất nông nghiệp và hạ tầng cơ sở ở khu vực miền trung	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (ISSN: 1859-4255)			70, 97-109	02/2022

10	Impacts of the policy on exemption of irrigation service fee on irrigation performance, a case study in the Red River Basin, Vietnam	1	Có	World Water Policy (ISSN: 2639-541X)	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus IF: 1.2, Q2		2, 8, 201-215	11/2022
11	Developing a Flexible Form of Collaborative and Inter-Organizational Governance: The Small Farmer-Focused Governance Model in Lam San Commune (Vietnam)	3	Không	Global Journal of Flexible Systems Management (ISSN: 2523-5672)	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus IF: 1.176, Q1	1	23, 51-64	12/2022
12	Water security: Global context and lessons learnt for Vietnam	6	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (ISSN: 1859-4255); Số Tiếng Anh			02 (TA), 38-43	12/2022

13	Sustainable finance policy for management and operation of irrigation systems: international experience and lessons for Vietnam	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (ISSN: 1859-4255); Số Tiếng Anh			02 (TA), 53-64	12/2022
14	Institutional arrangements and stakeholder engagement in irrigation service pricing in Vietnam	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (ISSN: 1859-4255); Số Tiếng Anh			02 (TA), 92-100	12/2022
15	Giải pháp quản lý tổng hợp nguồn nước tại đảo Phú Quốc	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859 - 3941)			83, 76-86	03/2023
16	Cơ sở khoa học cải thiện mô hình tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi quy mô lớn ở Việt Nam	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (ISSN: 1859-4255)			77, 65-75	04/2023

17	Characteristics of local pump schemes reusing drainage water in a major rice-based irrigation and drainage area in the Red River Basin, Vietnam	2	Có	Water Conservation and Management (ISSN: 2523-5672; 2523-5664)	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus IF: 1.139, Q3		1, 7, 36-44	04/2023
18	Water tenure analysis: A case study in Nui Coc irrigation system in the Red River Basin, Vietnam	1	Có	World Water Policy (ISSN: 2639-541X)	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus IF: 1.2, Q2		2, 9, 165-177	05/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS: 4 ([3] [10] [17] [18])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Chương trình đào tạo ngành Kinh tế xây dựng trình độ đại học	Tham gia	Quyết định số 2554/QĐ-ĐHTL ngày 14/10/2019	Hội đồng trường Đại học Thủy lợi	Quyết định số 307/QĐ-ĐHTL ngày 30/3/2021	Kinh tế xây dựng, bậc đại học

2	Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ	Tham gia	Quyết định số 2554/QĐ-ĐHTL ngày 14/10/2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 714/QĐ-BGDDĐT ngày 9/2/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Thủy lợi đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ; Quyết định số 832/QĐ-ĐHTL ngày 16/7/2020 ngày 16/7/2020 về ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế, trình độ tiến sĩ
---	---	----------	--	------------------------	---	-----------------------------------

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2023

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Văn Chính